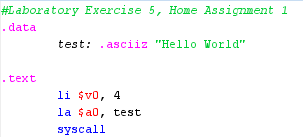
**BÁO CÁO THỰC HÀNH KIẾN TRÚC MÁY TÍNH (IT3280) TUẦN 5**

***Họ và tên: Phạm Đức Long***

***MSSV: 20225737***

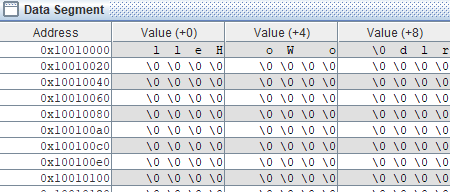
Assignment 1:



* Kết quả thu được:



* Data Segment:



* Nhận xét: Ta thấy chuỗi “Hello World” được lưu vào các ô nhớ theo thứ tự ngược lại ứng với mỗi Value.
* Sự thay đổi giá trị trên thanh ghi:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | $v0 | $a0 | pc |
| Ban đầu | 0x00000000 | 0x00000000 | 0x00400000 |
| Sau lệnh li | 0x00000004 | - | 0x00400004 |
| Sau lệnh la | - | 0x10010000 | 0x0040000c |
| Sau lệnh syscall | - | - | 0x00400010 |

**🡪** Mỗi kí tự khi được lưu trong thanh ghi sẽ tốn 1 byte trong thanh ghi, do đó cứ một ký tự sẽ được lưu vào một địa chỉ của thanh ghi. Theo đó, các kí tự tiếp theo sẽ là địa chỉ ban đầu cộng thêm 1, các kí tự trong chuỗi sẽ được nạp vào địa chỉ thanh ghi theo thứ tự từ phải qua trái 2 bit bé nhất để lưu giá trị chữ cái đầu tiên sau đó tăng dần 2 bit cho chữ cái tiếp theo. Khi Value (+0) đầy thì chuyển sang các cột Value (+4), Value (+8),… cho đến khi lưu trữ đầy đủ các ký tự, ở đây là “Hello World”.

* Kết luận:
* Chuỗi được lưu trữ như trên, mỗi Value sẽ lưu trữ tối đa 4 ký tự của chuỗi (tương ứng với việc tối đa 4 ký tự sẽ được đóng gói trong 1 cột Value), bắt đầu từ Value (+0) cho đến khi hết chuỗi.
* Giả sử nếu chuỗi có n ký tự, khi đó sẽ cần [n/4] + 1 cột (với [x] là phần nguyên của x).

Assignment 2:

* Code:

**.data**

**m1: .asciiz "First num: "**

**m2: .asciiz "Second num: "**

**m3: .asciiz "The sum of "**

**m4: .asciiz " and "**

**m5: .asciiz " is "**

**.text**

**# Nhap so dau tien:**

**li $v0, 4**

**la $a0, m1**

**syscall**

**li $v0, 5**

**syscall**

**move $a1, $v0 # Cho so dau tien vao thanh ghi $a1**

**# Nhap so thu hai:**

**li $v0, 4**

**la $a0, m2**

**syscall**

**li $v0, 5**

**syscall**

**move $a2, $v0 # Cho so thu hai vao thanh ghi $a1**

**# Tinh tong hai so vua nhap:**

**add $a3, $a1, $a2 # Cho tong hai so vao thanh ghi $a3**

**# In ra:**

**# In "The sum of ":**

**li $v0, 4**

**la $a0, m3**

**syscall**

**li $v0, 1**

**addi $a0, $a1, 0**

**syscall**

**# In " and "**

**li $v0, 4**

**la $a0, m4**

**syscall**

**li $v0, 1**

**addi $a0, $a2, 0**

**syscall**

**# In " is: "**

**li $v0, 4**

**la $a0, m5**

**syscall**

**li $v0, 1**

**addi $a0, $a3, 0**

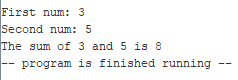
**syscall**

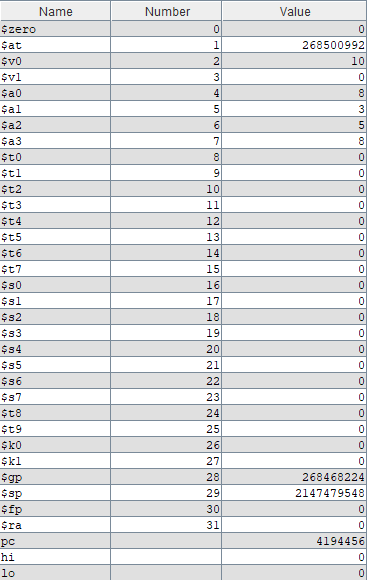
**# Ket thuc chuong trinh:**

**li $v0, 10**

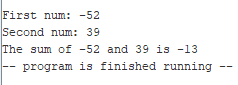
**syscall**

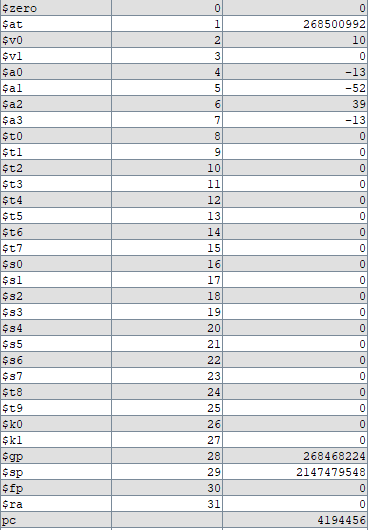
* Kiểm tra kết quả:
* Số đầu = 3, số hai = 5:





* Số đầu = -59, số hai = 39:





* Giải thích chương trình: Để có được output như format trong đề bài, ta thực hiện bằng cách nạp đầu ra theo thứ tự : m1 → m2 → m3 → giá trị $a1 → m4 → Giá trị $a2 → m5 → tổng của 2 giá trị trên là giá trị $a3. Bằng việc dùng print string, print number, read number lần lượt đan xen theo thứ tự như trên để có đầu ra mong muốn.
* Kết luận: Chương trình đã chạy đúng như yêu cầu đề bài.

Assignment 3:

* Code:

**#Laboratory Exercise 5, Home Assignment 2**

**.data**

**m1: .asciiz "Truoc khi copy, x se la: \n"**

**m2: .asciiz "Sau khi copy, x se la: "**

**x: .space 32 # destination string x, empty**

**y: .asciiz "Hello" # source string y**

**.text**

**la $a0, x**

**la $a1, y**

**li $v0, 4**

**la $a0, m1**

**syscall**

**li $v0, 4**

**la $a0, x**

**syscall**

**strcpy:**

**add $s0, $zero, $zero # $s0 = i = 0**

**L1:**

**add $t1, $s0, $a1 # $t1 = $s0 + $a1 = i + y[0]**

**# = address of y[i]**

**lb $t2, 0($t1) # $t2 = value at $t1 = y[i]**

**add $t3, $s0, $a0 # $t3 = $s0 + $a0 = i + x[0]**

**# = address of x[i]**

**sb $t2, 0($t3) # x[i]= $t2 = y[i]**

**beq $t2, $zero, end\_of\_strcpy # if y[i] == 0, exit**

**nop**

**addi $s0, $s0, 1 # $s0 = $s0 + 1 <-> i = i + 1**

**j L1 # next character**

**nop**

**end\_of\_strcpy:**

**# In ra man hinh**

**li $v0, 4**

**la $a0, m2**

**syscall**

**li $v0, 4**

**la $a0, x**

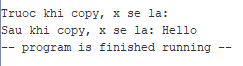
**syscall**

**# Ket thuc chuong trinh:**

**li $v0, 10**

**syscall**

* Giải thích chương trình:
* Đầu tiên, ta sẽ có không gian lưu trữ cho xâu x và lưu xâu cho biến y. Tiếp đến hàm main, ta sẽ lưu địa chỉ của các biến trên vào từng thanh ghi $a0, $a1 tương ứng. Đến hàm strcpy, ta sẽ khởi tạo chỉ số (index) của ký tự trong xâu, bắt đầu từ 0.
* Bắt đầu L1: hàm add thứ nhất (add $t1, $s0, $a1) sẽ gắn giá trị cho thanh ghi $t1 bằng địa chỉ của ký tự trong string y (hay là y[i]), với $a1 sẽ là mặc định là y[0], hay ký tự đầu tiên của chuỗi. Khi muốn có địa chỉ của y[i], ta sẽ có bằng cách cộng giá trị của I vào địa chỉ của y[0].
* Tiếp đó, ta lưu giá trị của y[i] bằng cách dùng hàm lb, lưu giá trị của y[i] vào thanh ghi $t2, với thanh ghi $t1 sẽ là thanh ghi lưu địa chỉ gốc, thanh ghi $t2 sẽ là thanh ghi được nạp vào. Số 0 là hằng số nguyên, cộng vào giá trị của thanh ghi $t1 để có được địa chỉ nạp vào.
* Tiếp đến, lệnh add thứ 2 (add $t3, $s0, $a0) sẽ tương tự với lệnh add thứ 1, dùng để gán địa chỉ của x[i].
* Lệnh sb sẽ giúp ta lưu trữ giá trị của thanh ghi $t2 vào thanh ghi $t3, hay nạp vào x[i].
* Hàm beq để xác định nếu giá trị $t2 bằng 0 (tức đã lấy hết ký tự trong chuỗi ban đầu) thì sẽ kết thúc chương trình strcpy, nếu không ta sẽ tiếp tục chạy các lệnh sau. (Trong hệ mã ASCII, ký tự kết thúc chuỗi ‘\0’ được biểu diễn bằng giá trị 0)
* Nop có tác dụng trễ thời gian. Lệnh addi sẽ là lệnh tăng giá trị của i lên 1, hay tăng chỉ số của ký tự trong chuỗi x lên 1 đơn vị, để tiếp tục việc lấy ký tự tiếp theo trong chuỗi x.
* j L1 giúp thực hiện việc vòng lặp L1. Cuối cùng, end\_of\_strcpy sẽ là nơi in trên màn hình ký tự x sau khi được copy từ y và kết thúc chương trình.
* Kết quả thu được:





* Như vậy, chương trình trên đã chạy đúng.

Assignment 4:

Assignment 5: